**ETS 5 TESTS – TEST 02**

**Part 5 – Incomplete Sentences**

101. The user’s manual explains all the controls and functions of \_\_\_\_\_\_\_ Pictor Series V  
television.  
(A) you  
(B) your  
(C) yours  
(D) yourself

101. KEY B

Giải thích: Trước danh từ thì ta điền tính từ sở hữu bổ nghĩa cho danh từ.

Dịch: Cuốn sổ tay người dùng giải thích tất cả cách điều khiển và chức năng của ti-vi Pictor của bạn.

102. Today, Saari Travel Agency announced its partnership \_\_\_\_\_\_\_ Colgren Airways, a growing international airline.  
(A) in  
(B) with  
(C) from  
(D) off

102. KEY B

Giải thích: Điền giới từ hợp nghĩa

Dịch: Hôm nay, Đại lý Du lịch Saari đã thông báo hợp tác với Colgren Airways, một hãng hàng không quốc tế đang phát triển.

103. Kumiko Sekine will give a \_\_\_\_\_\_\_ on watercolor techniques at Denville Art Center on May 3.  
(A) demonstration  
(B) demonstrating  
(C) demonstrated  
(D) demonstrators

103. KEY A

Giải thích: Giữa mạo từ và giới từ thì ta điền danh từ.

Dịch: Kumiko Sekine sẽ có một buổi minh hoạ về các kĩ thuật sử dụng màu nước tại Trung tâm Nghệ thuật Denville vào ngày 3 tháng 5.

104. Tourism has \_\_\_\_\_\_\_ significantly to the economic success of the seaside towns in  
the region .  
(A) found  
(B) located  
(C) promoted  
(D) contributed

104. KEY D

Giải thích: Điền động từ hợp nghĩa.

(A) found: tìm thấy, tìm ra; nhận thấy, thấy rằng  
(B) located: nằm ở, nằm tại, toạ lạc tại  
(C) promoted: đẩy mạnh, xúc tiến; đề bạt, thăng chức  
(D) contributed: đóng góp, góp phần

Dịch: Du lịch đã góp phần đáng kể vào sự thành công của nền kinh tế của các thị trấn ven biển trong khu vực.

**105.** Please distribute the agenda as \_\_\_\_\_\_\_ as possible so that participants will have time to review it.  
(A) quicker  
(B) quickest  
(C) quicken  
(D) quickly

105. KEY D

Giải thích: Cấu trúc As + adj / adv + as --> Điền tính từ hoặc trạng từ phụ thuộc vào động từ phía trước. Ta thấy trước cấu trúc này là động từ thường “distribute” --> Điền trạng từ bổ nghĩa cho động từ.

Dịch: Vui lòng phân phát danh sách đề tài thảo luận càng nhanh càng tốt để những người tham dự có thời gian để xem qua nó.

**106.** For the annual company dinner, special dietary requests can be accommodated,  
but only if they are arranged \_\_\_\_\_\_\_.  
(A) even  
(B) yet  
(C) beforehand  
(D) meanwhile

106. KEY C

Giải thích: Dịch nghĩa

(A) even: thậm chí  
(B) yet: chưa, cho đến lúc này; tuy vậy, song  
(C) beforehand: trước (một thời điểm)  
(D) meanwhile: trong khi đó, trong lúc đó

Dịch: Đối với bữa tối thường niên của công ty, những yêu cầu ăn kiêng đặc biệt có thể được đáp ứng, nhưng với điều kiện là chúng phải được đặt trước.

**107.** Checks or money orders in support of the Theater for All project \_\_\_\_\_\_\_ payable to Alio Actors Organization.  
(A) to make  
(B) are making  
(C) should be made  
(D) will have made

107. KEY C

Giải thích:

- Chủ ngữ của câu là “Checks or money orders”, câu chưa có động từ từ chính.

--> Chỗ trống cần điền động từ chính của câu.

--> Loại A vì to-V không làm động từ chính.

- Dịch nghĩa, ta điền dạng bị động của cấu trúc: Make sth payable to sb = gửi tiền thanh toán của cái gì đó cho ai.

--> Bị động: Sth be made payable to sb

Dịch: Những tấm séc hoặc đơn hàng tiền gửi nhằm hỗ trợ nhà hát cho tất cả dự án tổng thể thì nên gửi cho tổ chức Alio Actors.

**108.** Having achieved considerable success in Asia, Celena Tea Merchants is\_\_\_\_\_\_\_ to enter European markets.  
(A) eager  
(B) active  
(C) busy  
(D) firm

108. KEY A

Giải thích: Điền tính từ hợp nghĩa.

(A) eager (adj): thiết tha, hăm hở, háo hức, mong mỏi  
(B) active (adj): tích cực, năng động, nhanh nhẹn  
(C) busy (adj): bận rộn  
(D) firm (adj): rắn, chắc, vững

--> Be eager to do sth: thiết tha làm gì, háo hức làm gì

Dịch: Vì Celena Tea Merchants đã đạt được thành công lớn tại Châu Á, công ty đang thiết tha tham gia vào thị trường Châu Âu.

**109.** If the discontinued printers are not sold by Friday, Ainley Electronics will offer\_\_\_\_\_\_\_ at 50 percent off.  
(A) they  
(B) their  
(C) them  
(D) themselves

109. KEY C

Giải thích: Điền đại từ làm tân ngữ cho động từ “offer”, đại từ này thay thế cho danh từ “printers”

--> Chủ ngữ và tân ngữ khác nhau

--> Ta không điền đại từ phản thân mà điền đại từ nhân xưng làm tân ngữ.

Dịch: Nếu như những máy in không được sản xuất nữa mà không được bán hết trước thứ Sáu, thì Ainley Electronics sẽ rao bán chúng với mức giảm giá 50 phần trăm.

**110.** Francesco Graphics’ art department spent \_\_\_\_\_\_\_ time than anticipated on the redesign of the corporate Web site.  
(A) again  
(B) more ·  
(C) over  
(D) above

110. KEY B

Giải thích: Sau có “than” nên ta điền “more” tạo thành cấu trúc so sánh hơn.

Dịch: Bộ phận nghệ thuật của Francesco Graphics dành nhiều thời gian hơn dự kiến cho việc thiết kế lại trang web của công ty.

**111.** A red check-engine \_\_\_\_\_\_\_ on the control panel flashes repeatedly when maintenance is necessary.  
(A) indicating  
(B) indicate  
(C) indicates  
(D) indicator

111. KEY D

Giải thích:

- Câu đã có động từ chính “flashes: --> Loại B và C.

(1) Nếu ta xem cụm danh từ sau mạo từ “a” là “red check-engine” đã đầy đủ, thì sẽ không hợp nghĩa:

- Vì động từ là “flashes” nên ta dịch là “Một sự kiểm tra động cơ / Một động từ kiểm tra màu đỏ nhấp nháy nhiều lần”.

--> không hợp nghĩa vì dù là “sự kiểm tra động cơ” hay “động cơ kiểm tra” thì nó cũng không thể nhấp nháy.

(2) Hơn nữa, nếu cụm danh từ này đã đầy đủ, thì ta sẽ điền “Indicating” với tư cách là rút gọn mệnh đề quan hệ chủ động. Tuy nhiên, sau chỗ trống là giới từ “on”.

- Khi tra từ điển, mặc dù ta thấy động từ “indicate” có thể là nội hoặc ngoại động từ. Tuy nhiên trong phạm vi TOEIC, động từ “indicate” 99% được sử dụng như ngoại động từ:   
  
Indicate sth / Indicate + Mệnh đề danh ngữ = chỉ ra, cho thấy  
  
(Bản thân anh cũng chưa từng gặp động từ “indicate” ở hình thức nội động từ).

--> Do sau chỗ trống là giới từ, không có tân ngữ cho động từ “indicate” nên ta không điền nó ở dạng rút gọn chủ động.

--> Từ (1) và (2) suy ra, cụm danh từ sau mạo từ “a” vẫn chưa đầy đủ. Vậy ta cần điền một danh từ để hoàn thành cụm này. Check-engine là danh từ ghép bổ nghĩa cho danh từ chính về mặt chức năng.

- Indicator (n): cái chỉ thị, chất chỉ thị, cái cho thấy

- Indicator trong câu này có nghĩa là “đèn hiệu / đèn báo” vì nó “nhấp nháy nhiều lần”.

Dịch: Một cái đèn hiệu kiểm tra động cơ màu đỏ trên bảng điều khiển nhấp nháy nhiều lần khi mà việc bảo dưỡng là cần thiết.

**112.** \_\_\_\_\_\_\_ the Bay Ridge Planetarium has limited parking, visitors are encouraged to use public transportation whenever possible.  
(A) As  
(B) Either  
(C) That  
(D) Nor

112. KEY A

Giải thích: Chỗ trống cần điền một liên từ đứng đầu mệnh đề trạng ngữ --> Chọn As

Dịch: Vì Bay Ridge Planetarium có chỗ đậu xe hạn chế, nên người tham quan được khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng bất cứ khi nào có thể.

**113.** The menu at Minara Cafe changes weekly \_\_\_\_\_\_\_ on the availability of seasonal  
ingredients.  
(A) depend  
(B) depends  
(C) depended  
(D) depending

113. KEY D

Giải thích: depending on sb / sth: phụ thuộc, tuỳ thuộc vào ai / cái gì. “Depending on” là giới từ.

Dịch: Danh mục đồ uống tại Minara Café thay đổi hàng tuần tuỳ thuộc vào sự có sẵn của các nguyên liệu theo mùa.

**114.** Our trial software allows users to sample the Weller Language Learning Program for 30 days \_\_\_\_\_\_\_ purchase.  
(A) about  
(B) against  
(C) except  
(D) before

114. KEY D

Giải thích: Điền giới từ hợp nghĩa.

(A) about: về, khoảng  
(B) against: đối đầu, tương phản  
(C) except: ngoại trừ, trừ ra, không kể đến  
(D) before: trước khi, trước lúc

Dịch: Phần mềm dùng thử của chúng tôi cho phép người dùng thử nghiệm chương trình Weller Language Learning trong vòng 30 ngày trước khi mua.

**115.** In response to customer complaints, Lanemore Transit will provide\_\_\_\_\_\_\_ bus  
services during morning and evening hours.  
(A) adding  
(B) addition  
(C) additional  
(D) additionally

115. KEY C

Giải thích:

- Chỗ trống nằm sau động từ “provide” và trước danh từ “bus” nên ta điền tính từ bổ nghĩa cho danh từ “bus”.

- Trạng từ không nằm giữa động từ và tân ngữ của động từ (“bus” là tân ngữ của động từ “provide”).

Dịch: Để đáp lại những lời phàn nàn của khách hàng, Lanemore Transit sẽ cung cấp thêm những dịch vụ xe buýt vào các buổi sáng và buổi tối.

**116.** The latest microwave oven from Dabato Industries \_\_\_\_\_\_\_ a stainless steel interior and ten different heat settings.  
(A) features  
(B) produces  
(C) implies  
(D) appoints

116. KEY A

Giải thích: Điền động từ hợp nghĩa

(A) features: bao gồm, gồm có  
(B) produces: sản xuất, làm ra  
(C) implies: ngụ ý, ý nói  
(D) appoints: bổ nghiệm; định ngày, hẹn ngày

Dịch: Lò vi sóng mới nhất của Dabato Industries bao gồm phần bên trong là thép không gỉ và 10 bộ nhiệt khác nhau.

**117.** Ella Portofino, \_\_\_\_\_\_\_ is known for her motivational speeches, will be the guest speaker at ORIL Leadership Conference in June.  
(A) each  
(B) which  
(C) who  
(D) this

117. KEY C

Giải thích: Điền đại từ quan hệ làm chủ ngữ của MĐQH, đại từ quan hệ thay thế cho danh từ phía trước là “Ella Portofino” – là tên người vì trong mệnh đề có tính từ sở hữu “her”.

Dịch: Ella Portofino, người nổi tiếng vì những bài diễn văn truyền động lực, sẽ là diễn giả khách mời tại hội nghị lãnh đạo ORIL vào tháng 6.

**118.** With consumer demand .increasing substantially, Lignes Manufacturing must analyze the efficiency \_\_\_\_\_\_\_ its factories.  
(A) until  
(B) when  
(C) of  
(D) how

118. KEY C

Giải thích: Dịch nghĩa

(A) until: cho đến khi, cho đến lúc  
(B) when: khi, khi mà  
(C) of: của, về  
(D) how: làm thế nào, cách mà

Dịch: Với nhu cầu khách hàng đang gia tăng đáng kể, Lignes Manufacturing phải phân tích sự hiệu quả của các nhà máy của họ.  
**119.** Since the design of the Seino Towers is still in the\_\_\_\_\_\_\_ planning phase, the blueprints have not yet been prepared.  
(A) initial  
(B) entire  
(C) various  
(D) formed

119. KEY A

Giải thích: Điền tính từ hợp nghĩa.

(A) initial: ban đầu, lúc đầu  
(B) entire: toàn bộ, toàn thể  
(C) various: nhiều thứ khác nhau  
(D) formed: được định hình, được tạo thành

--> Initial planning phase = Giai đoạn lên kế hoạch ban đầu

Dịch: Vì bản thiết kế của Toà tháp Seino vẫn đăng trong giai đoạn lên kế hoạch ban đầu, bản vẽ kế hoạch vẫn chưa được chuẩn bị.

**120.** Top management at Vexler Corporation is reviewing its strategy for the company’s  
\_\_\_\_\_\_\_ into the home appliance market.  
(A) expand  
(B) expanded  
(C) expandable  
(D) expansion

120. KEY D

Giải thích: Trước chỗ trống là sở hữu cách, sau chỗ trống là giới từ. Vậy chỗ trống cần điền danh từ.

Dịch: Người quản lý cao nhất của tập đoàn Vexler xem xét lại chiến lược của họ cho sự mở rộng công ty vào thị trường đồ dùng trong nhà.

**121.** The Domino line of ergonomic chairs, \_\_\_\_\_\_\_ exclusively by ACN Office Furniture, is of unsurpassed quality.  
(A) manufacture  
(B) manufactured  
(C) are manufactured  
(D) to be manufacturing

121. KEY B

Giải thích:

- Chủ ngữ của câu là “The Domino line of ergonomic chairs”.

- Động từ chính là “is”

- Đoạn giữa 2 dấu phẩy là mệnh đề quan hệ bổ nghĩa cho danh từ đứng trước là “chairs”. Mệnh đề quan hệ này không có đại từ quan hệ nên ta điền động từ ở dạng rút gọn. Dịch nghĩa ta điền dạng rút gọn bị động.

Dịch: Dòng sản phẩm ghế ngồi tiện lợi, được sản xuất độc quyền bởi công ty Nội thất Văn phòng CAN, có chất lượng tốt nhất.

**122.** \_\_\_\_\_\_\_ situated near the business district, Radowski Hotel has been our venue for all large-scale corporate events.  
(A) Very  
(B) Overly  
(C) Ideally  
(D) Rarely

122. KEY C

Giải thích: Điền trạng từ hợp nghĩa. Trạng từ này bổ nghĩa cho tính từ “situated”.

(A) Very: rất, lắm, quá  
(B) Overly = too, very  
(C) Ideally: một cách lí tưởng  
(D) Rarely: hiếm, hiếm thấy

Dịch: Có vị trí lí tưởng tại khu trung tâm sầm uất, khách sạn Radowski là địa điểm cho tất cả những sự kiện công ty quy mô lớn.

**123.** The Tillmore Performance Center offers a \_\_\_\_\_\_\_ variety of programs than the  
Drewton Theater.  
(A) greatest  
(B) greater  
(C) greatly  
(D) great

123. KEY D

Giải thích: Giữa mạo từ và danh từ thì ta điền tính từ bổ nghĩa cho danh từ.

Dịch: Trung tâm Biểu diễn Tillmore đưa ra rất nhiều chương trình hơn so với Nhà hát Drewton.

**124.** Employees will have to record their work hours on the company Web site \_\_\_\_\_\_\_ the payroll software update has been installed.  
(A) once  
(B) next  
(C) so that  
(D) such as

**125.** Given the complexity of the production process, two defects per one thousand  
items is a \_\_\_\_\_\_\_ expectation.  
(A) reasonable  
(B) reasoning  
(C) reasonably  
(D) reasons

**126.** Luzern Aromatics, Inc., has been a leading supplier of raw \_\_\_\_\_\_\_ to the fragrance  
industry for almost 50 years.  
(A) issues  
(B) materials  
(C) interests  
(D) conditions

**127.** A report in the *Journal of the Southern Agricultural Sociefy* suggests that consumers are increasingly\_\_\_\_\_\_\_ about where their produce is grown.  
(A) exceptional  
(B) essential  
(C) concerned  
(D) significant

**128.** Anisk Pharmaceuticals makes every effort \_\_\_\_\_\_\_ the confidentiality of all participants in the clinical study.  
(A) to maintain  
(B) maintains  
(C) will maintain  
(D) is maintaining

**129.** Before traveling to Kuala Lumpur for the Medical Technology Conference, Ms. Osuyah must receive management’s \_\_\_\_\_\_\_.  
(A) occupation  
(B) potential  
(C) appearance  
(D) authorization

**130.** Please note that an employee training session on current communication tools will be held this Thursday\_\_\_\_\_\_\_ the weekly department meeting.  
(A) in place of  
(B) in order to  
(C) as long as  
(D) except for

**131.** The board of directors of Bridgeworks Corporation will vote on the \_\_\_\_\_\_\_ to modify the company's investment policies.  
(A) propose  
(B) proposing  
(C) proposal  
(D) proposed

**132.** Currently operating out of a small office in Tokyo, the Organization for International Banking is set to move to its \_\_\_\_\_\_\_ headquarters next year.  
(A) responsible  
(B) unlimited  
(C) repetitive  
(D) permanent

**133.** Radner Laboratories’ fourth-quarter report shows that revenues rose nearly 20 percent \_\_\_\_\_\_\_ to the previous quarter.  
(A) reminded  
(B) considered  
(C) compared  
(D) preferred

**134.** \_\_\_\_\_\_\_ you experience any difficulties accessing your online Alaway Bank  
account, our customer service agents will be happy to assist you.  
(A) Than  
(B) Should  
(C) What  
(D) Having

**135.** The head chef at Boldoni's Restaurant has been commended for \_\_\_\_\_\_\_ introducing dishes that are both creative and delicious.  
(A) continue  
(B) continues  
(C) continually  
(D) continual

**136.** \_\_\_\_\_\_\_ its major competitors, Keelan Air offers non-stop flights to hundreds of  
international destinations.  
(A) Unlike  
(B) Therefore  
(C) Nevertheless  
(D) Otherwise

**137.** Your generous donation will go toward the museum’s maintenance projects, \_\_\_\_\_\_\_ the restoration of the main entryway.  
(A) specific  
(B) specifically  
(C) specification  
(D) specify

**138.** If it wishes to become a market leader in electronics, Ribeira Technology, Inc., has no \_\_\_\_\_\_\_ but to diversify its product range.  
(A) instance  
(B) alternative  
(C) preference  
(D) reserve

**139.** \_\_\_\_\_\_\_ his short tenure at Wilson Surgical Supply, Mr. Jong was a major asset to the company’s product development team.  
(A) Despite  
(B) Contesting  
(C) Soon  
(D) While

**140.** The \_\_\_\_\_\_\_ smaller size of the new picture format will allow us to store hundreds more pictures on each disk.  
(A) gradually  
(B) promptly  
(C) accurately  
(D) considerably

**Part 6 – Text Completion**

***Questions 141 - 143 refer to the following advertisement.***

**Kashio’s Grand Opening Celebration**

Kashio’s, a new seafood restaurant in Haverton, invites you to our grand opening on Saturday, May 1. Enjoy complimentary food samples, live music, and discounts on meals at the party!  
\_\_\_\_\_\_\_ the event, all dinner entrees and desserts will be 25 percent off.   
**141.** (A) Beside  
(B) During  
(C) Apart from  
(D) Prior to

141. KEY B

Giải thích: Điền giới từ hợp nghĩa.

(A) Beside: bên cạnh  
(B) During: trong suốt, trong thời gian  
(C) Apart from = Except for: ngoại trừ, trừ ra, không kể đến  
(D) Prior to: trước

Dịch: Kashio, một nhà hàng hải sản mới ở Haverton, thân mời quý khách đến buổi khai trương vào thứ Bảy, ngày 1 tháng 5. Tận hưởng những món ăn miễn phí, nhạc sống, và giảm giá cho nhiều suất ăn tại bữa tiệc.

Trong suốt sự kiện, tất cả các món ăn chính và món tráng miệng đều sẽ được giảm giá 25%.

Our waitstaff will offer a selection of tasty appetizers, free of charge, throughout the evening. In addition, \_\_\_\_\_\_\_ will be provided by local favorite Melody McRae.  
**142.** (A) entertainment  
(B) reservations  
(C) techniques  
(D) service

142. KEY A

Giải thích: Điền danh từ hợp nghĩa.

(A) entertainment: sự giải trí, sự diễn văn nghệ  
(B) reservations: sự đặt trước, sự do dự  
(C) techniques: kĩ thuật  
(D) service: dịch vụ

Dịch: Bồi bàn của chúng tôi sẽ phục vụ nhiều món khai vị ngon miệng, miễn phí, suốt buổi tối. Thêm vào đó, các tiết mục văn nghệ sẽ được cung cấp bởi nhóm nhạc yêu thích tại địa phương là Melody McRae.

We are located at the intersection of Clinton Boulevard and Park Avenue, \_\_\_\_\_\_\_   
**143.** (A) direct  
(B) directed  
(C) directly  
(D) directive

adjacent to Community Theater. Stop in before or after your visit to the theater; we will be open seven days a week, from 4:00 P.M. to 11 :00 P.M., starting May 1.

143. KEY C

Giải thích:

- Chỗ trống nằm trong mệnh đề quan hệ rút gọn với tính từ. Câu đầy đủ: “We are located at the intersection of Clinton Boulevard and Park Avenue, (which is) \_\_\_\_\_\_\_ adjacent to Community Theater.”

- Giữa to be và tính từ thì ta điền trạng từ bổ nghĩa cho tính từ

- Be adjacent to sth: gần kề, sát bên, ngay cạnh

Dịch: Nhà hàng chúng tôi toạ lạc tại giao lộ giữa Clinton Boulevard và Park Avenue, ngay cạnh Nhà hát Cộng đồng. Ghé thăm trước hoặc sau khi đến nhà hát, chúng tôi mở cửa cả tuần, từ 4 giờ chiều đến 11 giờ tối, bắt đầu ngày 1 tháng 5.

***Questions 144-146 refer to the following letter.***

5 November  
Sneha Ramachandran  
A-301, Pali Hill Residency  
Kantwadi Road  
Mumbai 400050  
India

Dear Ms. Ramachandran:

I received your letter inquiring about the status of your order of John Wilkinson’s *Guide to Gourmet Cooking.* Our inventory report indicates that there is one copy of the book in stock.  
\_\_\_\_\_\_\_, the book cannot be located in our store or at our warehouse. The book is also   
**144.** (A) Later  
(B) Often  
(C) Similarly  
(D) Unfortunately  
out of print and can no longer be ordered from the publisher.

144. KEY D

Giải thích: Điền trạng từ hợp nghĩa.

(A) Later: chậm hơn, trễ hơn, sau  
(B) Often: thường, thường xuyên  
(C) Similarly: tương tự, cũng như thế, cũng vậy  
(D) Unfortunately: không may thay

Dịch: Tôi đã nhận được lá thư của bạn thắc mắc về tình trạng đơn hàng của bạn cho cuốn sách *Guide to Gourmet Cooking* của John Wilkinson. Báo cáo kho cho thấy chỉ còn một bản sao cuốn sách trong kho.

Không may thay, cuốn sách không nằm tại cửa hàng hay nhà kho của chúng tôi. Cuốn sách cũng hết bản in và không còn có thể được đặt hàng từ nhà xuất bản nữa.

Nonetheless, I have been able to locate a copy of the book in our used book division and can offer it to you at half the price. I \_\_\_\_\_\_\_ any shipping charges.

**145.** (A) will waive

(B) to waive

(C) had waived

(D) waiving

145. KEY A

Giải thích:

- Chỗ trống cần điền động từ chính của câu --> Loại B và D (to-V và V-ing không làm động từ chính).

- Dịch nghĩa ta thấy việc này chưa xảy ra, vì người này chưa gửi sách cho người nhận nên cam kết là “sẽ bỏ chi phí vận chuyển” --> Điền động từ ở thì tương lai.

Dịch: Tuy vậy, tôi đã có thể xác định một bản sao cuốn sách tại bộ phận sách cũ và có thể gửi nó cho bạn với nửa giá gốc. Tôi cũng sẽ không tính phí vận chuyển.

The copy shows only \_\_\_\_\_\_\_ signs of wear, and there is an inscription on the title page.  
**146.** (A) minimize  
(B) minimal  
(C) minimalist  
(D) minimalism  
If you would like this copy, please let me know, and I will mail it to you immediately.

Sincerely,

B.V. Bhatti  
Owner, Bhatti Bookstore

146. KEY B

Giải thích:

- Chỗ trống nằm trong cụm danh từ làm tân ngữ cho động từ “shows”.

- Và chỗ trống nằm giữa trạng từ và danh từ nên ta điền tính bổ nghĩa cho danh từ “signs”.

- Trạng từ “only” bổ nghĩa cho tính từ cần điền.

Dịch: Bản sao cho thấy một vài dấu hiệu hao mòn rất nhỏ, và có câu đề tặng trên tựa sách. Nếu bạn thích bản sao này, vui lòng cho tôi biết, và tôi sẽ gửi nó qua mail cho bạn ngay.

***Questions 147-149 refer to the following e-mail.***

To: Lynn Nurka <lnurka@ritteroutfitters.com>  
From: Toshi Okada <tokada@ritteroutfitters.com>  
Date: October 14  
Subject: Adventurer Hiking Gear

Lynn,

I just \_\_\_\_\_\_\_ the approval for a 15 percent increase in the advertising budget for our   
**147.** (A) requested  
(B) delayed  
(C) questioned  
(D) received  
Adventurer line of hiking gear.

Since this line is crucial to our success, I suggest we spare no expense in product \_\_\_\_\_\_\_. Let’s use Fairsen Consulting for the advertising campaign instead of Edgar Creative Services.  
**148.** (A) promotion  
(B) safety  
(C) purchasing  
(D) manufacturing

I know Fairsen is more expensive, but they have created highly successful and \_\_\_\_\_\_\_   
**149.** (A) memory  
(B) memories  
(C) memorable  
(D) memorably  
campaigns for Extentia Sports and Turnbull Clothiers. Plus, thanks to this budget increase, we can definitely afford their services.

Toshi

***Questions 150-152 refer to the following information.***

Mbedzi and Partners charges clients an hourly rate based on the type of service needed and level of \_\_\_\_\_\_\_ of the assigned lawyer.   
**150.** (A) satisfaction  
(B) interest  
(C) competition  
(D) expertise

Base charges are R 3,000 per hour for senior consultants; R 1,800 for associates; and R 900 for candidate attorneys. We do, \_\_\_\_\_\_\_, adjust pricing for corporate clients who  
**151.** (A) however  
(B) likewise  
(C) unless  
(D) consequently  
use our firm exclusively for all their legal services.   
  
We can also provide a calculation of expected costs for an entire project in order to assist clients in accurately \_\_\_\_\_\_\_ expenses. Contact our billing department for complete   
**152.** (A) predict  
(B) predicting  
(C) prediction  
(D) predicts  
details on our fee structure and policies: billing@mbedziandpartners.co.za